TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Số: 26/2018/QĐPT-HNGĐ	*Đồng Tháp, ngày 05 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Trần Phước Hội

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ -ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố C bị kháng cáo như sau:

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, chị Nguyễn Thị T là bị đơn của vụ án kháng cáo phần tài sản chung, yêu cầu được nhận nhà và trả giá trị cho anh Bùi Văn M với lý do là hiện nay chị trực tiếp nuôi con. Đối với phần nợ chung của chị và anh M mượn của bà Huỳnh Thị T1 80.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ V là 110.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hải H là 38.000.000 đồng để vợ chồng cất nhà chung, Tòa sơ thẩm buộc chị trả một mình chị không đồng ý.

XÉT THẤY:

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Bùi Văn M có văn bản ý kiến xin được rút toàn bộ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th có ý kiến đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung được nguyên đơn đồng ý. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập. Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu của bị đơn cũng như đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì đều được

nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý. Việc rút đơn yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ – ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố C và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 19/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 222, đường Đ, tổ 37, khóm M, phường P, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 222, đường Đ, tổ 37, khóm M, phường P, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà 157, đường Lê Văn N, tổ 14, khóm L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 50, đường Lê Đại H, phường M, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Anh Huỳnh Thị T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà 232, quốc lộ 30, khóm M, phường P, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Chị Đỗ Thị Hải H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 854A, quốc lộ 30, ấp 1, xã M, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình ly hôn: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình ly hôn là 50.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã đóng là 200.000 đồng theo biên lai

thu số 02250 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C. Anh M được nhận lại 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình ly hôn là 50.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Bùi Văn M phải chịu là 200.000 đồng.

Anh M phải chịu phần yêu cầu không được chấp nhận đối với số tiền là 376.782.028 đồng cho nên số tiền án phí anh M phải chịu là 18. 839.101 đồng.

Án phí về tài sản: Anh M được hưởng ½ tổng tài sản chung vợ chồng thành tiền là 2.050.000.000 đồng nên anh M phải chịu án phí về tài sản là 73.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã đóng là 1.537.500 đồng theo biên lai thu số 08304 ngày 14/12/2016 và số tiền 9.419.500 đồng theo biên lai thu số 16827 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C. Anh M phải đóng thêm số tiền là 62.043.000 đồng.

Chị T được hưởng ½ tổng tài sản chung vợ chồng thành tiền là 2.0050.000.000 đồng nên chị T phải chịu án phí về tài sản là 73.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã đóng là 31.260.000 đồng theo biên lai thu số 04497 ngày 08/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị T phải đóng thêm số tiền là 41.740.000 đồng.

Án phí về nợ vay của T1, chị V, chị H và anh B chị Nguyễn Thị T phải chịu là 14.780.000 đồng.

Anh Bùi Văn M phải chịu án phí về nợ của anh B là 1.750.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.840.000 đồng theo biên lai thu số 04142 ngày 23/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

Chị Nguyễn Thị Mỹ V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.7500.000 đồng theo biên lai thu số 08135 ngày 21/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

Chị Đỗ Thị Hải H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 950.000 đồng theo biên lai thu số 00138 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

Anh Nguyễn Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 00137 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị T đã tạm ứng và đã chi xong, anh M và chị T tự nguyện chịu.

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0003402 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố C.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV- THA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- TAND Thành phố C;
- Chi cục THADS Thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy